

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính
đối với Ngân hàng phát triển Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2006/NQ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 110/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng từ năm ngân sách 2007. Bãi bỏ Quyết định số 59/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3

năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển và bãi bỏ Quyết định số 17/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, viên chức Quỹ hỗ trợ phát triển.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc

Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ**quản lý tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

(ban hành kèm theo Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg
ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chế độ tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Phát triển).

Điều 2. Ngân hàng Phát triển thuộc sở hữu Nhà nước, có vốn điều lệ là 10.000 tỷ đồng (mười nghìn tỷ đồng).

Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ tùy thuộc vào yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể, bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng Phát triển và do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Ngân hàng Phát triển hạch toán tập trung toàn hệ thống; tự chủ về tài chính; thực hiện bảo toàn và phát triển vốn; bù đắp chi phí và rủi ro hoạt động tín dụng.

2. Hoạt động của Ngân hàng Phát triển không vì mục đích lợi nhuận, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm), không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

3. Ngân hàng Phát triển được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu của nhà nước; các hoạt động khác phải nộp thuế theo quy định của pháp luật.

4. Việc huy động các nguồn vốn (theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006) với lãi suất thị trường để cho vay phải đảm bảo nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn không phải trả lãi hoặc lãi suất thấp.

Ngân hàng Phát triển không được huy động tiền gửi bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của các cá nhân.

5. Ngân hàng Phát triển được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý đối với hoạt động tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của nhà nước. Mức cấp bù lãi suất và phí quản lý theo quy định tại Quy chế này.

6. Ngân hàng Phát triển phải thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc quản lý an toàn, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn và tài sản, chấp hành chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán.

Điều 5. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính và hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ tài chính của Ngân hàng Phát triển.

Chương II VỐN, QUỸ VÀ TÀI SẢN

Điều 6. Vốn hoạt động của Ngân hàng Phát triển bao gồm:

1. Vốn chủ sở hữu:

- a) Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển;
- b) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
- c) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển.

2. Vốn huy động:

- a) Phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu của Ngân hàng Phát triển và kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi theo quy định của pháp luật;

b) Vay của Công ty Dịch vụ tiết kiệm bưu điện, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước;

c) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng nước ngoài.

3. Các khoản vốn khác gồm:

a) Vốn ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ sau đầu tư;

b) Vốn ODA được Bộ Tài chính ủy quyền thực hiện cho vay lại;

c) Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức trong và ngoài nước;

d) Vốn nhận ủy thác giải ngân cho các dự án và thu hồi nợ của khách hàng từ các tổ chức trong và ngoài nước thông qua Hợp đồng nhận ủy thác giữa Ngân hàng Phát triển với các tổ chức ủy thác;

đ) Vốn đóng góp tự nguyện không hoàn trả của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước;

e) Vốn do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và các mục tiêu, chương trình của Chính phủ;

g) Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sử dụng vốn và tài sản

1. Ngân hàng Phát triển được sử dụng vốn hoạt động để:

a) Thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định của Chính phủ;

b) Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản của Ngân hàng Phát triển, mức tối đa bằng 15% vốn điều lệ;

c) Cấp phát ủy thác, cho vay ủy thác theo yêu cầu của bên ủy thác.

2. Ngân hàng Phát triển được quyền điều chỉnh cơ cấu vốn, tài sản trong phạm vi hệ thống để phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

3. Việc điều động vốn, tài sản giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc Ngân hàng Phát triển do Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển quyết định.

Điều 8. Bảo đảm an toàn vốn

Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động, gồm:

1. Quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

2. Mua bảo hiểm tài sản của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.

3. Lập quỹ dự phòng rủi ro hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu của nhà nước.

Mức trích Quỹ dự phòng rủi ro hàng năm tối đa bằng 0,5% trên dư nợ bình quân cho vay đầu tư, cho vay tín dụng xuất khẩu, nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng.

Cuối năm nếu không sử dụng hết thì khoản dự phòng này được để lại bù đắp rủi ro cho những năm sau. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp các khoản tổn thất, Ngân hàng Phát triển báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định biện pháp xử lý.

Số dư quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ hỗ trợ phát triển (trước đây) đến thời điểm thực hiện Quy chế này được kết chuyển vào quỹ dự phòng rủi ro của Ngân hàng Phát triển.

4. Việc huy động vốn bằng ngoại tệ chỉ sử dụng cho các dự án vay để nhập khẩu máy móc, thiết bị hoặc nhà xuất khẩu vay để nhập khẩu nguyên liệu mà có khả năng trả nợ bằng ngoại tệ.

5. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cấp bù chênh lệch lãi suất

Khi thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của nhà nước, Ngân hàng Phát triển được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất. Mức cấp bù được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất hòa đồng các nguồn vốn với lãi suất cho vay và dư nợ vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

Điều 10. Phí quản lý

1. Phí quản lý hàng năm của Ngân hàng Phát triển đối với hoạt động tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước do ngân sách nhà nước cấp, được xác định bằng 25% trên số thu nợ lãi cho vay tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

2. Phí quản lý đối với nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài (ODA) thực hiện theo quy định hiện hành về cho vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ.

3. Phí quản lý các hoạt động khác của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 11. Hỗ trợ sau đầu tư

Ngân hàng Phát triển được ngân sách nhà nước cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư hàng

năm để thực hiện cấp hỗ trợ sau đầu tư cho các đối tượng theo quy định.

Điều 12. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện kiểm kê tài sản khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Ngân hàng phát triển hoặc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với tài sản thừa, thiếu, cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Đánh giá lại tài sản:

a) Ngân hàng Phát triển thực hiện đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Việc đánh giá lại tài sản và xử lý hạch toán đối với khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Khấu hao tài sản cố định

Ngân hàng Phát triển thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật như đối với các doanh nghiệp và được sử dụng số khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư thay thế, đổi mới tài sản cố định và các yêu cầu hoạt động khác của Ngân hàng Phát triển.

Điều 14. Xử lý tổn thất về tài sản

Khi bị tổn thất về tài sản, Ngân hàng Phát triển phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường;
2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;
3. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Điều 15. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

Ngân hàng Phát triển được cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc sở hữu của Ngân hàng Phát triển theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật, bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.

Điều 16. Nhượng bán tài sản

1. Ngân hàng Phát triển được nhượng bán tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho các hoạt động có hiệu quả hơn.
2. Việc nhượng bán tài sản của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về nhượng bán tài sản nhà nước.
3. Khoản tiền thu được do nhượng

bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, chi phí nhượng bán tài sản được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí của Ngân hàng Phát triển theo quy định.

Điều 17. Thanh lý tài sản

1. Ngân hàng Phát triển được thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng.
2. Khi thanh lý tài sản, Ngân hàng Phát triển phải thành lập Hội đồng thanh lý. Đối với những tài sản pháp luật quy định phải bán đấu giá, khi thanh lý Ngân hàng Phát triển phải tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật.
3. Các khoản thu hoặc chi phí phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí của Ngân hàng Phát triển theo quy định.

Điều 18. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Ngân hàng Phát triển được hình thành từ các nguồn: khấu hao tài sản cố định, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác.
2. Hoạt động xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Ngân hàng Phát

triển được thực hiện trong phạm vi nguồn vốn được duyệt trong kế hoạch tài chính do Hội đồng Quản lý thông qua theo quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản.

Chương III

THU NHẬP, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 19. Thu nhập của Ngân hàng Phát triển bao gồm:

1. Thu từ hoạt động tín dụng (lãi cho vay, phí bảo lãnh), thu lãi tiền gửi.
2. Thu từ các hoạt động dịch vụ, thu từ cho thuê tài sản.
3. Thu phí nhận ủy thác cấp phát vốn, cho vay lại.
4. Thu cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý.
5. Thu khác gồm: thu về chênh lệch tỷ giá, các khoản thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản, thu về các khoản vốn đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; các khoản thu khác.

Điều 20. Chi phí của Ngân hàng Phát triển bao gồm:

1. Chi hoạt động nghiệp vụ:

- a) Chi trả lãi vốn huy động;
- b) Chi trả lãi tiền gửi;
- c) Chi dự phòng rủi ro;
- d) Chi chênh lệch tỷ giá;

đ) Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ: chi huy động vốn, ủy thác, dịch vụ ngân hàng, phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và chi khác.

2. Chi quản lý:

a) Tiền lương, tiền công của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Điều 24 Quy chế này;

b) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn;

c) Chi ăn ca theo chế độ quy định; chi trợ cấp cho lao động nữ theo chế độ quy định;

d) Chi lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc theo chế độ quy định;

đ) Chi bảo hộ lao động, trang phục làm việc;

e) Chi trích khấu hao tài sản cố định. Mức trích theo quy định chung đối với các doanh nghiệp;

g) Chi đi thuê tài sản;

h) Chi tuyên truyền, họp báo, giao dịch, hội nghị;

i) Chi thanh tra, kiểm tra, đào tạo, huấn

luyện nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, bảo vệ môi trường;

k) Chi phí quản lý khác.

3. Các khoản chi khác:

a) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản kể cả giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý;

b) Chi bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định;

c) Chi hỗ trợ Đảng, đoàn thể theo quy định;

d) Các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

Điều 21. Các khoản chi phí không được hạch toán vào chi phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển:

1. Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.

2. Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính, phạt vi phạm chế độ tài chính.

3. Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định.

4. Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

Điều 22. Ngân hàng Phát triển thực hiện hạch toán chi phí đúng chế độ quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của các

khoản chi; thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

Điều 23. Kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính là chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh (kể cả các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật) trong năm tài chính.

2. Kết quả tài chính của Ngân hàng Phát triển trong năm đạt thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Ngân hàng Phát triển có kết quả dương (+).

3. Kết quả tài chính của Ngân hàng Phát triển trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Ngân hàng Phát triển có kết quả âm (-).

Điều 24. Chế độ tiền lương của Ngân hàng Phát triển

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện chế độ tiền lương như đối với Tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt theo quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước; xây dựng đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương của thành viên Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc theo quy định tại Nghị định số 206/2004/NĐ-CP

ngày 14 tháng 12 năm 2004 về quy định quản lý lao động, tiền lương và thu nhập trong các công ty nhà nước, Nghị định số 207/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 về quy định chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ trách nhiệm đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước và Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 về điều chỉnh mức lương tối thiểu.

Khi xây dựng đơn giá tiền lương, quỹ lương của Ngân hàng Phát triển phải bảo đảm điều kiện không làm tăng thêm chi phí quản lý quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn, thẩm định đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương của thành viên Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Nghị định số 206/2004/NĐ-CP và Nghị định số 207/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2004.

Chương IV

TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 25. Khi kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt

do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

1. Trích 50% vào quỹ đầu tư phát triển.
2. Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Mức trích hai quỹ tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện.
3. Số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên được trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Điều 26. Nguyên tắc sử dụng các quỹ

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ dùng để bổ sung vốn điều lệ.

2. Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Ngân hàng Phát triển.

3. Quỹ khen thưởng dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên Ngân hàng Phát triển;

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể Ngân hàng Phát triển có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong hoạt động;

c) Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Ngân hàng Phát triển có quan hệ tốt và đóng góp có hiệu quả vào hoạt động của Ngân hàng Phát triển;

d) Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển quyết định mức thưởng.

4. Quỹ phúc lợi dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Ngân hàng Phát triển, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận;

b) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, nhân viên Ngân hàng Phát triển;

c) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, mất sức của Ngân hàng Phát triển;

d) Chi cho các hoạt động phúc lợi khác;

đ) Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển quyết định mức chi sau khi tham khảo ý kiến Công đoàn Ngân hàng Phát triển.

Chương V

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN

Điều 27. Kế toán, thống kê

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của

pháp luật, ghi chép đầy đủ chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán và phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính.

2. Năm tài chính của Ngân hàng Phát triển bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 28. Báo cáo tài chính

Định kỳ hàng quý, năm, Ngân hàng Phát triển lập và gửi báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 29. Kiểm toán

1. Các báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Phát triển phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Phát triển phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết quả kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 30. Công khai báo cáo tài chính

Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng Phát triển phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Thẩm định báo cáo tài chính

Trong thời gian 6 tháng, kể từ khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng Phát triển gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho Bộ Tài chính thẩm định theo chức năng của cơ quan quản lý nhà nước.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 32. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý

1. Thông qua kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm do Tổng giám đốc trình.

2. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Phát triển và thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định.

3. Trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Ngân hàng Phát triển.

Điều 33. Trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Đại diện pháp nhân và điều hành hoạt động của Ngân hàng Phát triển; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

2. Ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Ngân hàng Phát triển.

3. Chịu trách nhiệm điều hành việc huy động và sử dụng vốn trong hoạt động theo phương án sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn.

4. Xây dựng các định mức chi phí phù hợp với điều kiện hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

5. Lập và trình Hội đồng quản lý thông qua báo cáo tài chính.

6. Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, hàng năm trình Hội đồng quản lý thông qua và gửi các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KẾ HOẠCH VÀ KIỂM TRA, THANH TRA TÀI CHÍNH

Điều 34. Kế hoạch tài chính

1. Ngân hàng Phát triển lập kế hoạch tài chính hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Kế hoạch tài chính của Ngân hàng Phát triển gồm:

a) Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn;

b) Kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý;

c) Kế hoạch hỗ trợ sau đầu tư;

d) Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả hoạt động;

đ) Kế hoạch lao động, tiền lương.

2. Các kế hoạch nêu trên phải được Hội đồng quản lý Ngân hàng Phát triển phê duyệt đồng thời gửi cho các cơ quan

quản lý nhà nước trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Điều 35. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng Phát triển./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng